

TIẾT 7

LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt

- Xác định đúng giá trị các chữ số của một số tự nhiên. Viết được một tập hợp theo yêu cầu.
- Củng cố các phép tính: Cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên.

2. Phát triển năng lực

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS chủ động tham gia, phối hợp và trao đổi thông qua hoạt động nhóm. Tự tin tranh luận ý kiến, bảo vệ ý kiến cá nhân.

- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: HS viết được một tập hợp bằng cách liệt kê các phần tử, tìm được giá trị các chữ số của một số tự nhiên, biểu diễn một số thành tổng giá trị các chữ số của nó.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Sử dụng kiến thức của các phép toán đã học để giải quyết bài toán thực tế.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực trao đổi, tự học, ghi chép đầy đủ.
- Trung thực: Hoạt động nhóm báo cáo trung thực.
- Trách nhiệm: HS có tinh thần trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, hình ảnh hoá đơn tiền điện, phiếu học tập.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: NHIỆM VỤ HỌC TẬP (5 phút)

a) Mục tiêu: Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia hai số tự nhiên.

b) Nội dung: Bài tập: Cho số $m = 3\ 672$; $n = 153$. Tính: $m + n$; $m - n$; $m : n$.

c) Sản phẩm:

$$m + n = 3\ 672 + 153 = 3\ 825; m - n = 3\ 672 - 153 = 3\ 519;$$

$$m : n = 3\ 672 : 153 = 24.$$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu bài tập lên bảng. Cho HS hoạt động theo nhóm thực hiện trong 3 phút. Nhận xét, đánh giá.	HS thực hiện vào bảng nhóm. Các nhóm trình bày bài.

Hoạt động 2: LUYỆN TẬP (15 phút)

a) Mục tiêu: HS sử dụng kiến thức đã học giải các bài toán về tập hợp, giải quyết các bài toán thực tế. Phát triển năng lực tư duy sáng tạo của HS.

b) Nội dung: Ví dụ 1, Ví dụ 2, Ví dụ 3 trong SGK.

c) Sản phẩm: Phần lời giải các ví dụ trong SGK.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>Chiếu đề bài Ví dụ 1. Cho HS đọc trả lời lần lượt từng ý, GV ghi bảng.</p> <p>Ý d, GV cho HS xác định các lớp, hàng của số 280 650. Sau đó mời 1 HS lên biểu diễn thành tổng giá trị các chữ số của nó, chú ý viết gọn.</p>	<p>HS đọc đề bài, trả lời từng ý (giải thích).</p> <p>HS thực hiện theo hướng dẫn.</p>
<p>Chiếu đề bài Ví dụ 2, cho HS đọc và thực hiện chung cả lớp.</p> <p>GV hướng dẫn HS phân tích bài toán (nếu cần): Tính số khách hai quý đầu đến Việt Nam, sau đó tính số khách hai quý cuối năm.</p> <p>Nhận xét, đánh giá.</p>	<p>HS đọc đề bài. Cho biết cách giải.</p> <p>1 HS trình bày lời giải trên bảng.</p>
<p>Chiếu Ví dụ 3 (có thêm hình ảnh Trái Đất và Mặt Trời), cho HS quan sát, đọc yêu cầu đề bài.</p> <p>GV hướng dẫn HS thực hiện chung cả lớp.</p> <p>+ Đôi 8 phút 19 giây = 499 (giây).</p> <p>+ Mỗi giây ánh sáng đi được 300 000 km. Vậy trong 499 giây, ánh sáng đi được km.</p>	<p>HS đọc đề bài, quan sát hình ảnh.</p>

Hoạt động 3: CÙNG CỐ (18 phút)

a) Mục tiêu: Cùng cố các bài toán về tập hợp, ghi số tự nhiên. Sử dụng phép toán để giải quyết bài toán thực tế.

b) Nội dung: Bài tập 1.31; 1.32; 1.33; 1.34.

c) Sản phẩm:

Bài 1.31: a) $A = \{4; 5; 6; 7\}; A = \{x \in \mathbb{N} \mid 3 < x \leq 7\}$.

b) Các số 0; 1; 2; 3; 8; 9 **không phải** là phần tử của tập A.

Bài 1.32: a) 1 000; b) 1 023; c) 2 046; d) 1 357.

Bài 1.33: Chữ số 0.

Bài 1.34: Khối lượng của 30 bao gạo là: $30 \cdot 50 = 1\,500$ (kg);

Khối lượng của 40 bao ngô là: $40 \cdot 60 = 2\,400$ (kg);

Ô tô chở tất cả số gạo và ngô là: $1\,500 + 2\,400 = 3\,900$ (kg).

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu đề bài và cho HS thực hiện Bài 1.31. Nhận xét đánh bài làm của HS.	2 HS lên bảng, mỗi HS viết 1 cách. HS lớp cùng làm sau đó nhận xét.
Chiếu bài 1.32 yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời. Nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.	HS đọc đề bài, thảo luận theo cặp. Trả lời câu hỏi, nhận xét chia sẻ.
Đối với bài tập 1.33; GV lấy vài ví dụ cụ thể, cho HS xác định giá trị các chữ số của một số (có chứa số 0) rồi yêu cầu HS trả lời bài tập.	HS trả lời, chia sẻ ý kiến.

Hoạt động 4: VẬN DỤNG (5 phút)

a) **Mục tiêu:** Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng toán học để giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) **Nội dung:** Bài tập 1.35 SGK tr.21.

c) **Sân phạm:** Ta có $115 = 50 + 50 + 15$.

Số tiền điện nhà ông Khánh phải trả là:

$$50 \cdot 1\,678 + 50 \cdot 1\,734 + 15 \cdot 2\,014 = 83\,900 + 86\,700 + 30\,210 = 200\,810 \text{ (đồng).}$$

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu cách tính tiền điện theo giá bậc thang (kèm hình ảnh 1 hoá đơn tiền điện). GV chiếu bài tập 1.35, cho HS đọc và nêu cách giải. GV gợi ý: Tách 115 số điện theo từng bậc rồi tính giá tiền của từng bậc. GV nhận xét đánh giá bài làm của HS. Nhắc HS việc sử dụng tiết kiệm điện năng.	HS nghe hiểu vấn đề. HS đọc, nêu cách giải bài toán. 1 HS lên bảng trình bày bài toán. HS lớp nhận xét.

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Xem lại và tự làm lại các bài tập trên.
- Tiếp tục tìm hiểu cách tính hoá đơn điện bậc thang. Hỏi người lớn về giá điện hiện tại, số điện gia đình em sử dụng trong 1 tháng rồi tự tính lại giá điện ở gia đình em. Đưa ra các biện pháp để tiết kiệm điện trong gia đình (GV thu lại nhận xét, cho điểm).